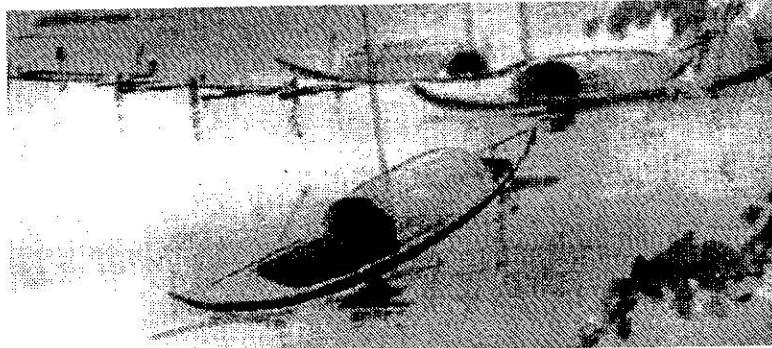


Dòng Sông Hương

TRẦN SĨ HUÂN



Nói đến sông Hương tức là nói đến một biểu tượng của đất Thần-kinh và là một trong số hai mươi thắng cảnh của cố đô ngàn năm văn vật. Do đó xưa nay các thi nhân văn sĩ đã không tiếc lời ca tụng sông Hương vừa đẹp về cảnh trí, vừa lợi ích về giao thông và cũng vừa là nơi vung vãi tiền bạc của khách ăn chơi một thời nổi tiếng dưới danh hiệu Tiêu Kim Thủ.

Bài này không dám đề cập đến những gì tiền nhân đã để lại về phương diện văn chương mà chỉ xin trình bày một vài ý kiến về môi sinh dọc theo dòng sông Hương, nhất là đoạn chảy qua thành phố Huế. Tuy nhiên trước khi vào đề tài chính, xin phép sơ lược vị trí địa dư của con sông này theo một số tài liệu giới hạn được trích dẫn qua sách báo.

Sông Hương xưa kia còn có tên Lô-Dung là con sông lớn nhất của tỉnh Thừa Thiên, bắt nguồn từ hai ngọn ở dãy Trường Sơn. Một ngọn gọi là Tả-Trạch phát xuất từ Khe-Ra ở núi Trường Động, hướng về Tây Bắc, quanh co lao mình xuống 55 ghềnh thác, nước đổ sóng reo, rồi chảy đến ngã ba Bảng-Lảng (Chợ Tuần). Ngọn thứ hai gọi là Hữu Trạch, phát xuất từ núi Chấn Sơn, hướng về Đông Bắc

với 14 ghềnh thác hiểm trở, sau đó đổi hướng Đông Nam đến đá vôi Long Thọ, qua Thành phố Huế, nơi đây sông rộng vào khoảng 370 thước, có cầu Trường Tiền sáu vòi mười hai nhịp bắc qua ... Đến chợ Đông Ba, sông rẽ làm hai boc lấy Côn chính, sông Hương còn có 3 nhánh phụ chảy về phía Nam, đó là sông đào Lợi Nông (1814) tức sông An Cựu nắng đục mưa trong, và sông Thọ Lộc có đập đá chắn nước mặn, bắc qua Vĩ Dạ (1837), cả hai con sông này chảy về đầm Hà Trung, còn con sông thứ ba là sông Phố Lợi tức sông Nam Phố chảy ra cửa Thuận An.

Mùa hè, nước sông Hương trong xanh, lòng sông không bao giờ cạn và mặt sông lặng lẽ chảy xuôi, tô điểm cho kinh thành thêm phần duyên dáng, nhất là những đêm trăng thanh gió mát. Tuy nhiên cứ đến khoảng 5 tây thì thủy triều từ cửa Thuận bắt đầu dâng ngược lên đến cầu Giả-Viên, nước sông Hương trở nên có mùi vị lơ lớ, cho nên năm 1837, vua Minh Mạng mới cho xây Đập Đá để nước mặn không chảy vào sông Thọ Lộc làm hư hỏng các cánh đồng phì nhiêu của huyện Hương Phú. Ngoài ra, về mùa mưa, dân Huế thường có câu “Tháng bảy (7 ta) nước nhảy lên bờ”

cho nên hàng năm cứ vào khoảng thời gian đó thì trời thường mưa lụt, nước dâng lên ngập cả kinh thành và các vùng phụ cận ở hạ lưu làm hư hỏng đường sá, thiệt hại mùa màng. Do đó vấn đề cung cấp nước uống tính khiết cho thành phố Huế đã được người Pháp đặt ra với việc xây trạm bơm ở Van Niên gần đồi Vọng Cảnh và nhà máy lọc nước ở đồi Quảng Tế, cao độ 42 thước, cách xa cầu Giả-Viên chừng 12 cây số đường sông quanh co để tránh nước mặn. Trong thời kỳ khởi đầu chiến tranh chống Pháp (1945-1946), một số ống nước bằng gang từ Quảng Tế đến Bến Ngự bị đào lén để đúc lựu đạn đánh Pháp. Năm 1947, sau khi người Pháp trở lại Huế, vì vấn đề an ninh không cho phép tái lập trạm Van Niên được nên vấn đề nước uống phải giải quyết bằng cách đào giếng trong vườn nhà hoặc uống nước mưa; còn việc tắm giặt thì phần đông dân chúng tùy nghi sử dụng các bến doc theo bờ sông. Sau đó Tổng Nha Công Chánh Việt Nam cho xây nhà máy nước Giả Viên, khánh thành vào năm 1952 để cung cấp nước uống cho thành phố, ưu tiên bên hữu ngạn, nơi có nhiều công sở và Bệnh viện Trung ương Huế. Đến năm 1957, khi tình hình an ninh vẫn hời, đoạn ống gang từ Quảng Tế đến Bến Ngự được tái thiết lập và hệ thống nước cũng được khai thác qua cả vùng tả ngạn. Tuy nhiên, để có thể sử dụng tối đa năng xuất của cả hai nhà máy nước, trạm Giả Viên vẫn tiếp tục hoạt động, ngoại trừ 3 tháng hè bị nước mặn thì đóng cửa để cho trạm Van Niên thay thế. Nước uống lấy từ sông Hương do đó rất quan trọng trong đời sống hàng ngày của dân Huế, và nếu xét theo kinh nghiệm của người xưa “uống nước ngọt nào, nói giọng nguồn đó” thì phải chẳng nhờ nước sông Hương mà giọng nói của người Huế, nhất là các cô gái Huế có phần khác với giọng nói của những người chỉ ở cách xa

Huế mười lăm cây số?

Thế nhưng có ai biết chặng dòng sông Hương chứa đựng những gì nêu chịu khó nhìn qua sinh hoạt của đám dân Vạn sống bèn bồng trên mặt nước mà không có lấy một nơi để làm nhà vệ sinh, hoặc để ý đến vấn đề thoát nước dơ công cộng từ các ống cống lớn, rộng gần 2 thước, chảy từ bệnh viện Trung ương Huế và từ xóm Tây ở hữu ngạn ra thẳng sông Hương. Còn bên tả ngạn, xung quanh chợ Đông Ba thì rác rến dơ bẩn, trong lúc ở hạ lưu, tại các bến Hàng Bè, Chùa Ông v.v. hằng ngày dân chúng ra đó tắm giặt, thanh thiếu niên bơi lội, hụp lặn rất mất vệ sinh. Có lẽ đây là tình trạng chung của một nước chậm tiến nên không ai để ý. Thật ra đoạn sông này ngày trước cũng hoang vu như ở thượng lưu nhưng từ khi Pháp đặt nền đô hộ xứ ta, người Pháp đã thừa lúc mấy năm kinh tế khủng hoảng 1933-1935, tổ chức những “công trường nghèo khổ” (chantier de misère), dùng một số dân công thất nghiệp lặn lội cát ở lòng sông Hương, gánh đồ cho đầy ngang mặt đường để xây vườn hoa, tường chắn đất nhưng họ đã lơ là vẩn đê môi sinh và đã cho đổ tất cả đồ dơ về một nhà máy chế biến tại một chỗ đất thấp trống trải nào đó ở ngoại ô kinh thành. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu có lẽ vì thiếu khả năng tài chính mà đành phải chịu cảnh “cái khó bó cái khôn” như tất cả các ngành khác.

Về phương diện lịch sử, trong thời gian đầu bang giao với Pháp, chính phủ Nam triều có xây một căn nhà sát bên bờ tả ngạn ngay trước cửa Thượng Tứ để làm nơi gặp gỡ với đại diện chính phủ Pháp khi có việc cần, do đó mà có cái tên Thương Bạc. Chính tại nơi này, sông Hương đã chứng kiến cảnh tang thương lịch sử vào đêm 3 rạng ngày mồng 4 tháng 5 năm 1916 khi vua Duy Tân cải trang theo lối thường dân cùng quan quân

hộ vệ xuống thuyền làm cuộc khởi nghĩa chống Pháp do hai cụ Thái Phiên và Trần Cao Văn sắp đặt nhưng đã bị thất bại. Trước đó, khi vua Thành Thái bị lưu đày, sông Hương đã đau đớn tái tê:

*“Khô héo lá gan, cây đinh Ngự
Đầy voi giọt lệ, nước sông
Hương”.*

Ngoài ra, sông Hương còn là nơi giải trí thể thao lành mạnh như đua thuyền, bơi lội, hoa đăng trong các dịp lễ lạc. Khi trời nắng nóng, các gia đình khá giả thường dùng đò riêng như ở Vĩ Dạ hay là thuê đò ở các bến Vạn ra ngủ giữa sông cho mát. Theo ông Nguyễn Châu giáo sư Triết trường Quốc Học thì “đối với khách nhàn du, đò sông Hương là những căn nhà nổi làm nơi họp mặt tri kỷ, liên lạc cùn vương, tri âm đàn hát tâm tình giữa trời nước trăng sao, xa lánh tục phàm trong khoảnh khắc... Đò ngủ quả là một thế giới biệt lập riêng tư. Khách ngủ đò được hưởng một số thú vui như nghe ca Huế, nghe đàn, nghe những câu hò mái nhì vang vọng, được ăn những món ăn đặc sản bán trên những chiếc xuồng nhỏ có treo đèn màu xanh đỏ thoăn thoắt nhẹ nhàng lượn quanh các chiếc thuyền “tam bản” rộng rái đú tiên nghi, trên đó khách ngồi uống nước trà, nhâm rượu, ngắm sông nước mà tâm tình... hoặc nghĩ về thân thế, sự nghiệp. Tuy nhiên cái gì cũng có mặt trái. Từ cảnh thơ mộng đó, tình cảm bèn nay sinh nên dòng sông đã trở thành nơi “trăng gió mây mưa” của phần lớn những cuộc tình đầu môi chót lưỡi, gian dối giả tạo. Khách ngủ đò có độc có thể tìm bạn gái qua đêm, ái ân lai láng voi đầy... Do đó mà trên sông Hương nhiều cuộc đời nhí nữ tàn tạ trong năm canh ô nhục dày vò... vì hoàn cảnh trớ trêu, vì hận đời đen bạc hoặc vì lở bước sa chân. Nói một cách cụ thể, từ những năm 1930 trở đi, dòng sông

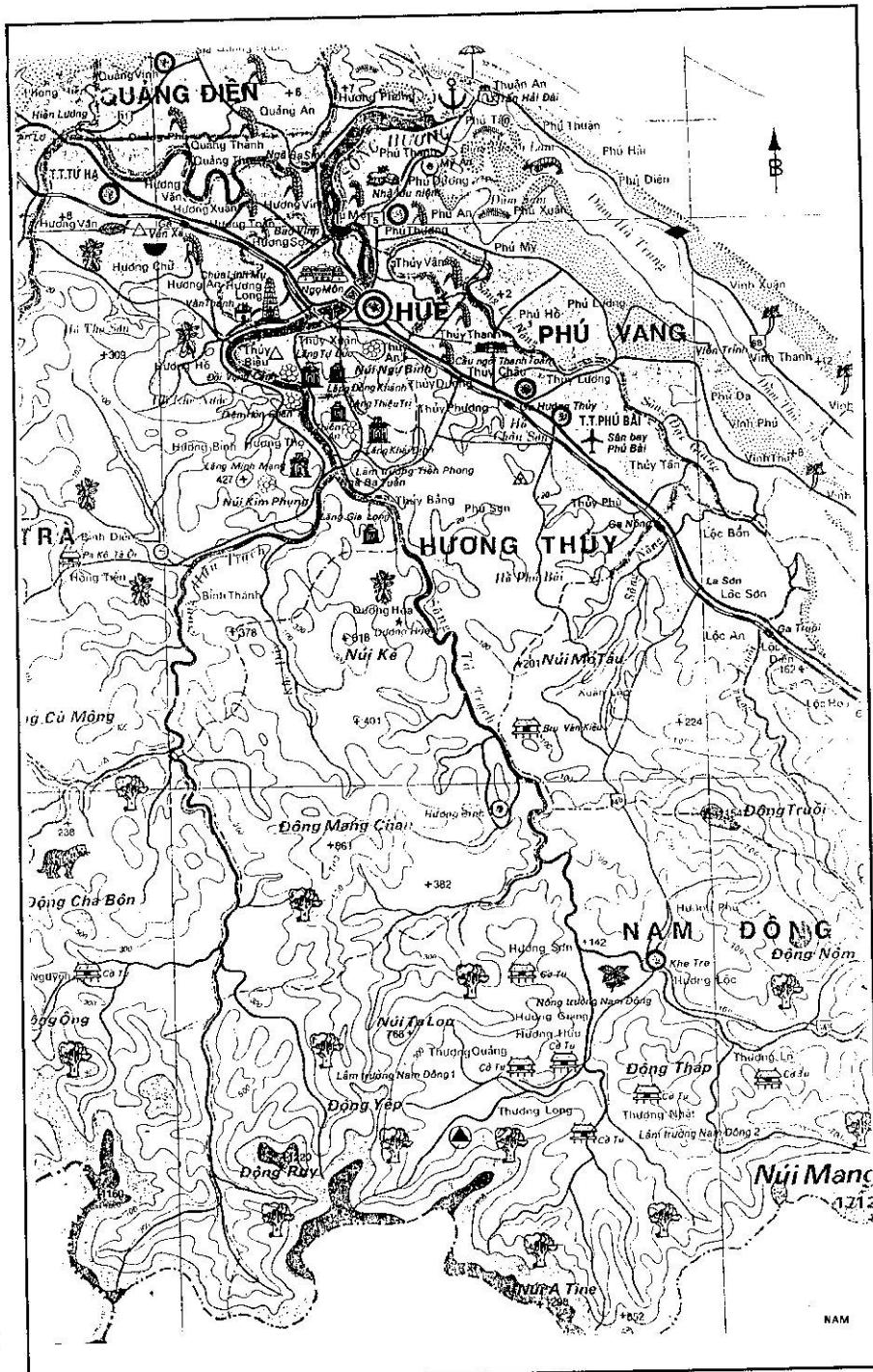
Hương, khoảng gần chân cầu Gia Hội, đã thành nơi hội tụ của gái giang hồ bốn phương đủ hạng. Bến Thương Bạc, bờ sông Hàng Bè, bờ sông Hàng Đường được khách làng chơi phong làm căn cứ hạm đội. Cũng từ đó hai tiếng “ngủ đò” được hiểu là đi với gái giang hồ. Những du khách thuần túy muốn thưởng thức món ngủ đò một cách đúng đắn thì phải đến bến Việt Hoa (chỗ sông Đông Ba nối với sông Hương, nơi đây chủ đò không cho khách tiếp gái giang hồ) chèo sông Hương cũng là một sinh thú độc đáo. Tuy nhiên có một thuở, vào thời đầu chiến tranh 1945-1950, cảnh tượng có đổi khác:

*“Núi Ngự Bình không cây, chim
đậu đất.
Huong-giang vắng khách, dĩ kêu
trời”.*

Xem như thế đủ thấy về phương diện môi sinh, dòng sông Hương đã bị xử dụng bừa bãi, gây ô nhiễm nguy hại cho sức khỏe của dân chúng và đời sống các sinh vật dưới nước. Về phương diện kinh tế, lụt lội hằng năm đã làm tê liệt sinh hoạt địa phương một thời gian, gây trở ngại cho sự di chuyển và phát triển trong vùng. Rất tiếc trong gần 20 năm qua, mặc dù hòa bình đã vãn hồi nhưng đất nước vẫn bị chìm đắm trong nghèo khổ và chậm tiến, cố đô Huế vẫn còn vẻ tiêu điều buồn thảm do chính sách lỗi thời, thiếu quốc kế dân sinh, phí phạm nhân tài vật lực. Do đó việc tái thiết hiện nay dưới sự cai trị của những người “vô học chuyên chế” (chứ không phải là vô sản chuyên chế như lời của ông Bùi Tín viết trong cuốn sách “Mặt Thật” Santa Ana, 1993) vẫn còn là một giấc mơ... Tôi mơ ước một ngày nào đó, sông Hương sẽ trở lại vị trí của một thủy lộ, như đường sá trên bộ, nghĩa là các thuyền đò qua lại trên sông hoặc đậu ở bến sông chỉ có tách cành tạm thời để làm

ăn buôn bán chứ không thể cấm dùi vĩnh viễn tại những nơi không có đủ tiền nghi vệ sinh công cộng. Chợ Đông Ba sẽ được tổ chức lại quy cũ, nếu không bằng các siêu thị Âu Mỹ thì ít nhất cũng sạch sẽ, có trật tự. Tất cả nước dơ từ công ránh phải chảy vào ống cái dọc theo các đường chính đưa về nhà máy lọc biến chế dàng hoàng. Các vùng xay cát đều theo một kế hoạch chỉnh trang, phù hợp với cảnh trí thiên nhiên và lịch sử của cố đô chứ không thể làm theo tùy hứng. Đối với vấn đề điều hòa lưu lượng dòng sông Hương, hãy nghiên cứu giữ nước lũ ở trên nguồn và chỉ cho chảy dần dần xuống hạ lưu để thành phố và đồng quê khỏi bị ngập lụt bằng cách xây một đập nước ở thượng lưu ngã ba Băng Lãng, đồng thời dùng sức mạnh của số lượng nước này điều hành một nhà máy Thủy điện để phát triển công kỹ nghệ trong vùng như nhà máy vôi Long Thọ, nhà máy xay đá granit ở Ngọc Hồ, gìn điện Hòn Chén v.v. Muốn thực hiện những điều trên đây, vấn đề tiên quyết lẽ dĩ nhiên là phải có tiền nhưng một vấn đề khác không kém quan trọng là phải có một chánh sách dân chủ tự do, bảo đảm bằng “luật lệ và trật tự”, bằng một kế hoạch dân sinh, tạo công ăn việc làm cho dân chúng trước, vì có thực mới vực được đạo. Sau đó là những kế hoạch chuyên môn, giáo dục quần chúng, trang bị cho người dân tinh thần kỹ thuật của một dân tộc văn hiến.

Ước mong đây không phải là một giấc mơ hảo huyền vì ngày xưa tiền nhân ta đã từng xé núi đào sông, và ngày nay các nước tân tiến đều có những thực hiện tân kỳ phục vụ cho đời sống văn minh của con người thì tại sao nước ta lại không làm được? Trên đây chỉ là những gợi ý viết theo trí tưởng và bằng một tấm lòng thành trong lúc xa quê. Dám mong các nhà hữu trách Việt nam sau này lưu ý. Cố



núi, dòng sông Hương sẽ muôn đời yêu kiều thơ mộng, xứng đáng với vị trí lịch sử địa dư của “ngàn năm xứ Huế” mình ...

Sách tham khảo:

- *Huế Đẹp Huế Thơ* của Nhà Quốc Gia
- Du Lịch (Saigon 1957)*.
- *Ngàn Năm Xứ Huế* của GS. Nguyễn Châu (*San Jose 1994*).